

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Dung**.

Bà **Dương Thị Kim Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2021/TLST- HNGĐ ngày 06/01/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tiến V**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 3, thôn KhM, xã Th2, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị V1**, sinh năm 1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 3, thôn KhM, xã Th2, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị V1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐV, thành phố V2, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/02/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sang Liên bang Nga làm ăn, hàng năm có về Việt Nam thăm gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất được quan điểm trong làm ăn nên thường

xảy ra xô xát, cãi nhau. Vợ chồng cùng cố gắng tìm cách hòa giải, tháo gỡ nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh V quyết định về Việt Nam làm ăn, không sang Nga nữa, còn chị V1 vẫn đang làm ăn tại Nga. Anh xác định tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Hải A , sinh ngày 06/8/2008; Nguyễn Thị Tố U , sinh ngày 25/7/2010 và Nguyễn Thành Đ , sinh ngày 15/9/2014. Anh xác định do công việc của anh không cố định, không có thời gian chăm sóc con cái. Các con anh ở với ông bà ngoại từ nhỏ, cuộc sống ổn định nên anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cả 03 con cho chị V1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 3.000.000đ/1 tháng (03 con là 9.000.000đ/1 tháng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Nếu chị V1 không nuôi con thì anh có trách nhiệm nuôi dưỡng các con và tự nguyện không yêu cầu chị V1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Nguyễn Văn Kh (là bố đẻ chị V1) khai: Ông không biết địa chỉ cụ thể của chị V1 ở nước ngoài nên ông không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị V1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị V1 biết để chị V1 trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Việt. Chị V1 có quan điểm nhất trí ly hôn, đề nghị được nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Tố U và Nguyễn Thành Đ ; con Nguyễn Hải A để Anh V nuôi dưỡng và yêu cầu Anh V cấp dưỡng cho con Nguyễn Thành Đ theo quy định của pháp luật. Nếu Anh V không có nguyện vọng nuôi con thì chị đề nghị được nuôi cả ba con và nhất trí mức cấp dưỡng 3.000.000đ/1con/1tháng (cả 03 con là 9.000.000đ/tháng) cho đến khi mỗi con tròn 18 tuổi và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung vợ chồng. Chị V1 gửi giấy ủy quyền, ủy quyền cho anh trai là Nguyễn Văn V3 giao nhận tài liệu tại Tòa án và quyết định nội dung có liên quan, đồng thời ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Kh chăm sóc, nuôi dưỡng các con trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam. Ông Kh có quan điểm quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, do Anh V không chung thủy với chị V1, đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị V1. Do vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Ông nhất trí nhận sự ủy quyền chăm sóc các con của chị V1 trong thời gian chị V1 không có mặt tại Việt Nam. Anh Nguyễn Văn V3 nhất trí nhận sự ủy quyền của chị V1.

Con anh Việt, chị V1 là Nguyễn Hải A và Nguyễn Thị Tố U đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa:

Anh Nguyễn Tiến V vẫn giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vân, nhất trí để chị V1 nuôi dưỡng cả ba con, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/1con/1tháng (cả 03 con là 9.000.000đ/tháng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi; Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị V1 chấm dứt không ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Kh và anh Nguyễn Văn V3 tại phiên tòa. Chị trực tiếp tham gia tố tụng và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con là Nguyễn Hải A , Nguyễn Thị Tố U và Nguyễn Thành Đ . Anh V tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/1con/1tháng (cả 03 con là 9.000.000đ/tháng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi, chị nhất trí. Chị không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung.

Ông Nguyễn Văn Kh và anh Nguyễn Văn V3 nhất trí việc chấm dứt ủy quyền của chị V1, không tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền cũng như là người có quyền lợi liên quan trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến V và chị Nguyễn Thị V1 . Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cả ba con Nguyễn Hải A , Nguyễn Thị Tố U và Nguyễn Thành Đ cho chị V1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của Anh V cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ/1con/1tháng (cả 03 con là 9.000.000đ/tháng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Anh V phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến V sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Thị V1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở Xóm 3, thôn KhM, xã Th2 , huyện Th , tỉnh Hải Dương, tại thời điểm thụ lý vụ án chị V1 đang lao động tại Liên bang Nga. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Hiện chị V1 đã về nước và trực tiếp tham gia tố tụng tại phiên tòa, chị không ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Kh chăm sóc, nuôi dưỡng các con, cũng như không ủy quyền cho anh Nguyễn Văn V3 giao nhận tài liệu và quyết định nội dung có liên quan trong. Do vậy, ông Nguyễn Văn Kh không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và Ông Kh , anh Nguyễn Văn V3 cũng không còn là người đại diện theo ủy quyền của chị V1.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến V và chị Nguyễn Thị V1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐV, thành phố V2, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/02/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng sang Nga làm ăn, vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất được quan điểm trong làm ăn, không tin tưởng nhau cả về tình cảm và về kinh tế nên thường xảy ra xô xát, cãi nhau và không tôn trọng lẫn nhau. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vân, chị V1 cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể tháo gỡ được nên chị nhất trí ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến V và chị Nguyễn Thị V1 là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Anh Nguyễn Tiến V và chị Nguyễn Thị V1 có ba con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 06/8/2008; Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 25/7/2010 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 15/9/2014, hiện các con đang ở với chị V1 tại nhà ông, bà ngoại. Chị V1 và Anh V cùng thống nhất giao cả ba con cho chị V1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Anh V tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ/1con/1tháng (cả 03 con là 9.000.000đ/tháng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Cháu Nguyễn Hải A và cháu Nguyễn Thị Tố U cũng có nguyện vọng được ở với chị V1. Xét thấy, anh Nguyễn Tiến V và chị V1 thống nhất thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và phù hợp với nguyện vọng của các con. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cả ba con Nguyễn Hải A, Nguyễn Thị Tố U và Nguyễn Thành Đ cho chị V1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tiến V cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ/1con/1tháng (cả 03 con là 9.000.000đ/tháng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến V và chị Nguyễn Thị V1.

2. Về quan hệ con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 06/8/2008; Nguyễn Thị Tố U,

sinh ngày 25/7/2010 và Nguyễn Thành Đ , sinh ngày 15/9/2014 cho chị Nguyễn Thị V1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến V tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con định kỳ hàng tháng là 3/000.000đ/1con/1tháng (cả ba con là 9.000.000đ/1tháng) kể từ tháng 6/2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Nguyễn Thị V1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Tiến V chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004832 ngày 04/01/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Anh Nguyễn Tiến V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tiến V và chị Nguyễn Thị V1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung Dương Thị Kim Hồng

Nguyễn Xuân Trường